TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/DS-ST
Ngày: 26/3/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Đại
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải
Bà Lê Thị Sử

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Nghệ An

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Thuỳ Dương - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Nghệ An xét xử công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 129/2025/TLST- DS ngày 19 tháng 11 năm 2025 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXX-ST ngày 23 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 04/2026/QĐ - ST ngày 10/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1964
Địa chỉ: xóm M, xã B, tỉnh Nghệ An. Có mặt

Bị đơn: Ông Thái Khắc C, sinh năm 1985 và bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1985
Địa chỉ: xóm T, xã B, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người chứng kiến:
Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1953
Địa chỉ: xóm M, xã B, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong khởi kiện ngày 26/9/2025và bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày: Ngày 21/7/2025 âm lịch, bà Trần Thị N có cho ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H (vợ ông C) số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), khi vay không thoả thuận lãi suất, bà N đã nhiều lần gọi điện và trực tiếp đến nhà đòi nợ nhưng ông C bà H không chịu trả. Nay bà N làm đơn yêu

cầu buộc ông C và bà H phải trả cho bà N số tiền nợ gốc còn thiếu là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có bản tự khai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H biết Tòa án đã thụ lý vụ án tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng theo đơn khởi kiện của bà N nhưng ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc bị đơn khởi kiện.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà K không có ký xác nhận nội dung trong giấy vay nợ về việc bà N đứng ra vay hộ số tiền 50.000.000đ của bà K cho vợ chồng ông C và bà H. Hiện tại bà K đã nhận số tiền 50.000.000đ do bà gửi cho bà N do bà N trả lại và không có liên quan đến việc vay nợ giữa bà N và vợ chồng ông C và bà H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại 262 Bộ luật tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tụng dân sự.

Các đương sự trong vụ kiện đều chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tụng dân sự.

- Về nội dung vụ kiện: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và quá trình xét xử tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Nghệ An đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 197; Điều 463; Điều 466 và Điều 469 Bộ luật sự năm 2015; Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm c, khoản 1 Điều 217, Điều 244, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N, buộc ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H phải trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ gốc là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng); Đình chỉ yêu cầu trả lãi suất trên số nợ vay đối với yêu cầu của bà Trần Thị N và buộc bị đơn ông Thái Khắc

C và bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch và tuyên trả tiền tạm ứng án phí cho đơn Trần Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H có nơi cư trú tại xóm T, xã B, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thủ tục tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không hòa giải được do bị đơn vắng mặt. Ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có bản tự khai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án và những văn bản tố tụng khác cho bị đơn biết. Các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông C và bà H đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Toà án hoặc cử người đại diện tham gia tố tụng, do đó phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có tại hồ sơ vụ kiện.

Trước khi khởi kiện, nguyên đơn Trần Thị N đã thực hiện việc yêu cầu bị đơn ông C và bà H trả nợ nên đáp ứng đúng quy định tại Điều 463; Điều 465; Điều 466 và Điều 469 Bộ luật sự 2015 và Điều 186 và Điều 189 Bộ luật tụng dân sự về điều kiện khởi kiện.

Giao dịch phát sinh vào ngày 27/01/2024 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật sự năm 2015 (có hiệu lực vào thời điểm phát sinh giao dịch) để làm căn cứ pháp lý khi giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị N đã giao nộp bản gốc tài liệu chứng cứ giấy vay tiền thể hiện nội dung giao dịch vay tiền vào ngày 27/01/2024 giữa ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H với số tiền vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và giấy vay tiền ngày 19/9/2024 với nội dung số tiền vay là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) do ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H ký xác nhận việc vay nợ.

Bị đơn ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H được tống đạt hợp lệ nhưng cố tình không có mặt tại Toà án và không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án về việc đã trả nợ cho bên cho vay nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét các tài liệu do nguyên đơn giao nộp và các chứng cứ do các bên đương sự trình bày để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung vụ kiện:

Căn cứ vào giấy vay nợ và lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử khẳng định được: Theo nội dung giao dịch vay tiền vay tiền vào ngày 27/01/2024 giữa ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H với số tiền vay 20.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và giấy vay tiền ngày 19/9/2024 với nội dung số tiền vay là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) do ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H ký xác nhận việc vay nợ. Trong các tờ giấy ghi nhận nợ không thấy ghi lãi suất thỏa thuận giữa các bên. vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 469 Bộ luật sự năm 2015 thì đây là giao dịch vay tài sản không thời hạn và không có thỏa thuận tiền lãi suất, theo đó bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay nợ phải trả bất cứ lúc nào, trình vay nợ, Bị đơn cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cũng như giấy tờ trả nợ giữa hai bên. Do vậy, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị N, buộc ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H phải trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ vay là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) theo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N đã rút yêu cầu về phần yêu cầu lãi suất số tiền cho vay 250.000.000đ đối với ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H. Do đó đình chỉ đối với phần yêu cầu tiền tiền lãi suất số tiền cho vay của bà Trần Thị N.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị N được chấp nhận nên bị đơn ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo

giá ngạch là 250.000.000đ x 5% = 12.500.000đ (mười hai triệu trăm năm nghìn đồng)

Nguyên đơn bà Trần Thị N là đối tượng người cao tuổi được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 465; Điều 466, Điều 467 và Điều 469 Bộ luật sự năm 2015;

Khoản 1 147; Điều 227, điểm c khoản 2 Điều 217, Điều 244 Bộ luật tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị N. Buộc ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H phải trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) cho bà Trần Thị N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Đình chỉ đối với phần yêu cầu trả số tiền lãi suất khoản tiền cho vay của bà Trần Thị N đối với ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch.

Buộc ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H phải nộp 12.500.000đ (mười hai triệu trăm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Nghệ An;
- Phòng THADS khu vực 7 - Nghệ An;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN XUÂN ĐẠI